

Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Bình, bà Nguyễn Thị Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Phan Thị T, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn 7, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2021, bản tự khai ngày 25/6/2021, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Phan Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 10/10/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, quan điểm sống trái ngược nhau, trong cuộc sống thường xuyên xung đột, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2020 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau

nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Đăng K1 sinh ngày 01/8/2017 và Nguyễn Đăng K2 sinh ngày 26/02/2020. Anh đề nghị giao cả hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/5/2021 và trong quá trình xét xử, bị đơn chị Phan Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hữu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 10/10/2016 tại UBND xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T nghiện ma túy. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh T đề nghị ly hôn, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị cũng đồng ý ly hôn anh T.

Về con: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Đăng K1 sinh ngày 01/8/2017 và Nguyễn Đăng K2 sinh ngày 26/02/2020. Sau khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do tình hình dịch bệnh Covid-19, anh T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định xét xử vắng mặt anh T.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Hữu T, cho anh T được ly hôn chị T; về con: giao cả hai cháu Nguyễn Đăng K1 và Nguyễn Đăng K2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về án phí: anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

\* Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Hữu T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Phan Thị T. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Nguyên đơn Nguyễn Hữu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh T.

\* Về nội dung giải quyết:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T và chị Phan Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T trình bày là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, quan điểm sống trái ngược nhau, trong cuộc sống thường xuyên xung đột, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, còn theo chị T trình bày là do anh T bị nghiện ma túy. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh T yêu cầu ly hôn, chị T cũng nhất trí, nhưng do anh T vắng mặt tại phiên tòa nên HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của anh T, cho anh T được ly hôn chị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Đăng K1 sinh ngày 01/8/2017 và Nguyễn Đăng K2 sinh ngày 26/02/2020. Cả hai bên đều có ý kiến là giao cả hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy hiện nay các cháu đều còn nhỏ tuổi, đang ở với mẹ, nên HĐXX thấy cần giao cả hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản: Anh T và chị T đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Hữu T, cho anh T được ly hôn chị Phan Thị T.

2. Về con: Giao hai cháu Nguyễn Đăng K1 sinh ngày 01/8/2017 và Nguyễn Đăng K2 sinh ngày 26/02/2020 cho chị Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu. Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu T phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số AA/2019/0011037 ngày 27/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, anh T đã nộp đủ án phí DSST.

Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Hữu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- UBND xã L, huyện  
N, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Nam Tiến**